

Bài tập thì tương lai đơn

[Bài tập thì tương lai đơn](#) giúp bạn củng cố công thức, cách sử dụng và dấu hiệu nhận biết của thì tương lai đơn. Bộ bài tập được sắp xếp từ cơ bản đến nâng cao, kết hợp nhiều dạng câu hỏi và có đáp án, giải thích chi tiết để bạn tự kiểm tra và cải thiện kỹ năng tiếng Anh.

Bài tập thì tương lai đơn	1
Bài tập thì tương lai đơn cơ bản	1
Bài tập 1: Viết lại câu từ khẳng định sang phủ định hoặc câu hỏi	1
Bài tập 2: Chia động từ ở thì tương lai đơn	2
Bài tập thì tương lai đơn độ khó trung cấp	3
Bài tập 1: Điền will hoặc be going to	3
Bài tập 2: Tìm và sửa lỗi sai	4
Bài tập thì tương lai đơn nâng cao	6
Bài tập 1: Chia động từ theo ngữ cảnh	6
Bài tập 2: Hoàn thành câu theo tình huống	7

Bài tập thì tương lai đơn cơ bản

Phần bài tập cơ bản giúp bạn ghi nhớ công thức và sử dụng thành thạo thì tương lai đơn trong các câu đơn giản. Hãy bắt đầu với dạng chuyển câu và chia động từ trước khi làm các bài tập có ngữ cảnh phức tạp hơn.

Bài tập 1: Viết lại câu từ khẳng định sang phủ định hoặc câu hỏi

Yêu cầu: Dựa vào câu cho sẵn, viết lại thành câu phủ định hoặc câu nghi vấn theo hướng dẫn trong ngoặc.

1. She will visit her grandmother tomorrow. (Viết câu phủ định)
2. They will play football next Sunday. (Viết câu nghi vấn)
3. He will buy a new laptop next month. (Viết câu phủ định)
4. We will travel to Da Nang in 2030. (Viết câu nghi vấn)
5. Mary will finish her homework in two days. (Viết câu phủ định)
6. I will call you tomorrow. (Viết câu nghi vấn)
7. Tom will help his father next weekend. (Viết câu phủ định)
8. The students will take an English test next week. (Viết câu nghi vấn)
9. My family will move to a new house next month. (Viết câu phủ định)
10. It will rain tomorrow. (Viết câu nghi vấn)

Câu	Đáp án	Giải thích
1	She will not visit her grandmother tomorrow.	Phủ định: S + will not + V.
2	Will they play football next Sunday?	Nghi vấn: Will + S + V?
3	He won't buy a new laptop next month.	Will not có thể viết tắt là won't.
4	Will we travel to Da Nang in 2030?	Đảo will lên trước chủ ngữ.
5	Mary won't finish her homework in two days.	Sau won't dùng động từ nguyên mẫu.
6	Will I call you tomorrow?	Dùng Will + chủ ngữ + V?
7	Tom won't help his father next weekend.	Không thêm -s vào động từ sau will.
8	Will the students take an English test next week?	Động từ take giữ nguyên mẫu.
9	My family won't move to a new house next month.	Dùng won't + V để phủ định.
10	Will it rain tomorrow?	Cấu trúc: Will + it + V?

Bảng đáp án bài tập viết lại câu ở thì tương lai đơn.

Bài tập 2: Chia động từ ở thì tương lai đơn

Yêu cầu: Chia động từ trong ngoặc ở thì tương lai đơn (Simple Future). Chú ý các dấu hiệu thời gian như tomorrow, next week, next month, in 2030 và in two days.

- I think she (pass) the final exam easily.
- They (build) a new hospital here next month.
- We (visit) our grandparents tomorrow.
- He (not/attend) the meeting next week.
- What (you/do) tomorrow evening?
- I'm sure they (enjoy) the movie next Sunday.
- (he/be) at home tomorrow?
- I promise I (not/tell) anyone your secret.
- My family (move) to a new house in 2030.
- When (she/give) you the money back?

Câu	Đáp án	Giải thích
1	will pass	I think thể hiện dự đoán.
2	will build	Next month chỉ thời gian tương lai.
3	will visit	Tomorrow là dấu hiệu tương lai.
4	will not attend / won't attend	Câu phủ định dùng will not + V.
5	will you do	Câu hỏi Wh- dùng Wh-word + will + S + V?
6	will enjoy	I'm sure thể hiện dự đoán.
7	Will he be	Câu hỏi với be: Will + S + be?
8	will not tell / won't tell	Promise diễn tả lời hứa.
9	will move	In 2030 chỉ thời điểm tương lai.
10	will she give	Câu hỏi Wh- dùng When + will + S + V?

Bảng đáp án bài tập chia động từ thì tương lai đơn Bài tập cơ bản viết lại câu và chia động từ

Bài tập thì tương lai đơn độ khó trung cấp

Ở cấp độ trung cấp, bạn sẽ luyện cách phân biệt thì tương lai đơn (will) và thì tương lai gần (be going to) dựa trên ngữ cảnh. Mục tiêu là nhận biết quyết định bộc phát tại thời điểm nói, dự định có từ trước và tránh những lỗi sai thường gặp khi chia động từ.

Bài tập 1: Điền will hoặc be going to

Yêu cầu: Chia động từ trong ngoặc bằng will hoặc be going to sao cho phù hợp với tình huống trong câu.

- The phone is ringing. I (answer) it.
- Look at those dark clouds! It (rain).
- We have already bought the tickets. We (take) a trip to Paris next month.
- I think his team (win) the game.
- She has decided to study abroad. She ([learn](#)) English harder.
- Don't worry! I (help) you with your homework.
- Be careful! You (fall) off that ladder.
- They have planned everything. They (get) married in June.
- I'm hot. I (turn) on the air conditioner.
- I believe she ([recover](#)) from her illness soon.

Câu	Đáp án	Giải thích
1	will answer	Quyết định ngay lúc nói.
2	is going to rain	Dự đoán dựa trên dấu hiệu mây đen.
3	are going to take	Chuyến đi đã được chuẩn bị trước.
4	will win	Dự đoán theo quan điểm cá nhân.
5	is going to learn	Dự định đã có từ trước.
6	will help	Lời đề nghị giúp đỡ.
7	are going to fall	Dự đoán dựa trên tình huống hiện tại.
8	are going to get	Kế hoạch kết hôn đã được lên trước.
9	will turn	Quyết định ngay lúc nói.
10	will recover	Dự đoán hoặc niềm tin về tương lai.

Bảng đáp án bài tập phân biệt Will và Be going to

Lưu ý: Trong một số trường hợp, cả will và be going to đều có thể dùng tùy ngữ cảnh. Khi làm bài, hãy chú ý xem câu nhấn mạnh quyết định tức thời, dự định có trước hay dự đoán dựa trên bằng chứng hiện tại.

Bài tập 2: Tìm và sửa lỗi sai

Yêu cầu: Mỗi câu sau có một lỗi sai liên quan đến cách dùng thì tương lai đơn. Hãy tìm lỗi và viết lại câu cho đúng.

1. She will goes to the supermarket tomorrow.
2. I will to call you when I arrive home.
3. Will he comes to the meeting next week?
4. They won't goes camping next weekend.
5. My brother will travels to Japan next month.
6. Will you to help me with this exercise?
7. My mother wills send the letter tomorrow.
8. I will be go to school early tomorrow.
9. We will studies English tonight.
10. He will not forgets your birthday next week.

Câu	Đáp án	Giải thích
1	She will go to the supermarket tomorrow.	Sau will dùng động từ nguyên mẫu.
2	I will call you when I arrive home.	Không thêm to sau will.
3	Will he come to the meeting next week?	Động từ sau will không thêm -s.
4	They won't go camping next weekend.	Sau won't dùng V nguyên mẫu.
5	My brother will travel to Japan next month.	Không thêm -s vào travel.
6	Will you help me with this exercise?	Không dùng to help sau will.
7	My mother will send the letter tomorrow.	Will không thêm -s.
8	I will go to school early tomorrow.	Không dùng will be go.
9	We will study English tonight.	Study giữ nguyên mẫu sau will.
10	He will not forget your birthday next week.	Sau will not dùng V nguyên mẫu.

Bảng đáp án sửa lỗi sai thường gặp với thì tương lai đơn

Mẹo ghi nhớ: Sau will hoặc won't, động từ luôn ở dạng nguyên mẫu không to. Vì vậy, các cấu trúc như will travels, will to travel và won't goes đều sai. Khi làm bài, hãy kiểm tra động từ ngay sau will/won't để tránh mất điểm ở những câu ngữ pháp cơ bản.

Bài tập thì tương lai đơn nâng cao

Phần bài tập nâng cao giúp bạn vận dụng thì tương lai đơn trong câu điều kiện, mệnh đề chỉ thời gian và các tình huống giao tiếp thực tế. Mục tiêu là phân biệt chính xác will, be going to, hiện tại tiếp diễn và hiện tại đơn, đồng thời nhận biết cách dùng đặc biệt của won't.

Bài tập 1: Chia động từ theo ngữ cảnh

Yêu cầu: Chia động từ trong ngoặc ở dạng phù hợp. Chú ý mệnh đề chỉ thời gian với when, as soon as, until, by the time và câu điều kiện loại 1.

- When she (arrive) home, she (call) you.
- I (finish) my report by the time you (get) back.
- If it rains tomorrow, we (stay) at home.
- The train (leave) at 8 p.m., so we (arrive) at the station early.
- As soon as he (see) you, he (give) you the documents.

6. By 2030, people (use) more renewable energy.
7. I think they (not/attend) the meeting because they (be) on vacation.
8. Look at that bag! It (fall).
9. She (be) an excellent doctor in the future.
10. My car is making a strange noise. It (not/work) properly for much longer.

Câu	Đáp án	Giải thích
1	arrives / will call	Mệnh đề when dùng hiện tại đơn; mệnh đề chính dùng will.
2	will have finished / get	Tương lai hoàn thành diễn tả việc hoàn tất trước thời điểm khác; mệnh đề by the time dùng hiện tại đơn.
3	will stay	Câu điều kiện loại 1: If + hiện tại đơn, will + V.
4	leaves / will arrive	Lịch tàu dùng hiện tại đơn; kết quả dự kiến dùng will.
5	sees / will give	Mệnh đề as soon as dùng hiện tại đơn.
6	will use	Dự đoán về xu hướng trong tương lai.
7	won't attend / will be	Dự đoán về việc tham dự và tình trạng trong tương lai.
8	is going to fall	Dự đoán dựa trên dấu hiệu hiện tại.
9	will be	Dự đoán về nghề nghiệp trong tương lai.
10	won't work	Won't diễn tả dự đoán rằng đồ vật sẽ không hoạt động được.

Bảng đáp án bài tập chia động từ nâng cao

Lưu ý khi làm bài thi:

- Với when, as soon as, until, before, after và by the time khi nói về tương lai, mệnh đề chỉ thời gian thường dùng hiện tại đơn, không dùng will.
- Trong câu điều kiện loại 1, mệnh đề if dùng hiện tại đơn; mệnh đề chính có thể dùng will + V.
- Won't đôi khi thể hiện sự từ chối hoặc không chịu hoạt động, chẳng hạn He won't listen to me (Anh ấy không chịu nghe tôi) hoặc The car won't start (Xe không khởi động được).

Bài tập 2: Hoàn thành câu theo tình huống

Yêu cầu: Hoàn thành các câu sau bằng cấu trúc phù hợp. Dựa vào gợi ý trong ngoặc để chọn will, be going to, hiện tại tiếp diễn hoặc hiện tại đơn.

1. I'm sure he _____ the test. (pass)

2. Don't worry! I _____ you with your bags. (help)
3. She has already decided. She _____ to university next year. (go)
4. If you invite her, she _____. (come)
5. By the time we _____, the movie _____. (arrive / start)
6. When my parents _____ next month, we _____ a short trip. (visit / take)
7. Look at the dark clouds! It _____ soon. (rain)
8. We _____ you as soon as there _____ any changes. (inform / be)
9. He _____ his dream if he _____ hard. (achieve / work)
10. My phone battery is almost dead. It _____ soon. (not/work)

Câu	Đáp án	Giải thích
1	will pass	Dự đoán theo quan điểm cá nhân.
2	will help	Lời đề nghị giúp đỡ.
3	is going to go	Dự định đã được quyết định trước.
4	will come	Câu điều kiện loại 1.
5	arrive / will have started	By the time dùng hiện tại đơn; tương lai hoàn thành nhấn mạnh phim đã bắt đầu trước lúc đến.
6	visit / will take	Mệnh đề when dùng hiện tại đơn; mệnh đề chính dùng will.
7	is going to rain	Dự đoán dựa trên dấu hiệu hiện tại.
8	will inform / are	Mệnh đề as soon as dùng hiện tại đơn.
9	will achieve / works	Câu điều kiện loại 1.
10	won't work	Dự đoán thiết bị sắp ngừng hoạt động.

Bảng đáp án bài tập hoàn thành câu nâng cao